

CÔNG TY CỔ PHẦN VNT TRADING AND SERVICE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VNT TRADING AND SERVICE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNT TRADING AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNT TRADING AND SERVICE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108704869

3. Ngày thành lập: 17/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 15, Khối B, Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973.716.848

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; - Bán buôn vàng và kim loại quý khác. (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4662(Chính)
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4663
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: - Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; - Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; - Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4661

4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4669
5.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4690
6.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
7.	Khai thác quặng sắt (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	0710
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	0722
9.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	0730
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	0810
11.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
14.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
15.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4511
16.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4530
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4543
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4620
19.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản	4632

20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác; - Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: Giá sách, kệ... bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác.	4649
21.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	4634
22.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;	4659
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh) (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	8299
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết; Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hóa trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh,..	5210
29.	Bốc xếp hàng hóa	5224
30.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225

32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933

6. Vốn điều lệ: 4.680.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 468.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN VNT HOLDINGS	Số 10, ngách 34, ngõ Thịnh Quang, phố Tây Sơn, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	421.200	4.212.000.000	90,000	0106919957	
			Tổng số	421.200	4.212.000.000	90,000		
2	NGUYỄN XUÂN GIANG	Số 19 Lô C19 Tập thể Thủy Tinh, Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	23.400	234.000.000	5,000	030837312	
			Tổng số	23.400	234.000.000	5,000		

